

## KẾ HOẠCH

### Phát triển ngành nghề nông thôn giai đoạn 2014 – 2015 và định hướng đến năm 2020

#### Phần thứ nhất

### TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN NGÀNH NGHỀ NÔNG THÔN

#### I. Thực hiện quy hoạch phát triển ngành nghề nông thôn và các chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn

Thực hiện Nghị định số 66/2006/NĐ-CP ngày 07/7/2006 của Chính phủ về khuyến khích phát triển ngành nghề nông thôn và các chính sách hỗ trợ ngành nghề nông thôn, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2044/QĐ-UBND ngày 22/7/2010 Phê duyệt quy hoạch phát triển ngành nghề nông thôn tỉnh Long An đến năm 2020 và chỉ đạo triển khai thực hiện quy hoạch.

Các sở, ngành đã tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo và hướng dẫn các địa phương thực hiện phát triển ngành nghề nông thôn, cụ thể:

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tham mưu chỉ đạo triển khai thực hiện quy hoạch; hướng dẫn các huyện xây dựng kế hoạch, thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và triển khai thực hiện một số dự án về ngành nghề nông thôn.

- Sở Công Thương tham mưu ban hành và hướng dẫn thực hiện các quy chế: Quy chế xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống; Quy chế xây dựng và thực hiện đề án khuyến công; Quy chế xét công nhận nghệ nhân, thợ giỏi, người có công đưa nghề về Long An; Quy chế bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu; hỗ trợ vốn cho các đề án khuyến công.

Một số địa phương đã có chỉ đạo triển khai thực hiện quy hoạch phát triển ngành nghề nông thôn; xây dựng kế hoạch phát triển ngành nghề nông thôn; thực hiện báo cáo định kỳ; triển khai việc xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn; triển khai thực hiện một số dự án ngành nghề.

Một số kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn của tỉnh:

- Xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống: Đã xét công nhận 05 làng nghề truyền thống. Hiện nay các xã đang tiến hành lập hồ sơ đề nghị công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống.

- Công nhận nghệ nhân, thợ giỏi, người có công đưa nghề về Long An: Đã công nhận 09 nghệ nhân, 27 thợ giỏi, 01 người có công đưa nghề về Long An.

- Tổ chức bình chọn được 28 sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, trong đó 10 sản phẩm cấp tỉnh, 05 sản phẩm cấp khu vực.

- Thực hiện đề án khuyến công: Hỗ trợ 49 đề án, kinh phí gần 5,4 tỷ đồng.

- Chương trình xúc tiến thương mại: Tạo điều kiện hỗ trợ doanh nghiệp, cơ sở sản xuất ngành nghề nông thôn tham gia hội chợ triển lãm trong nước. Tuy nhiên, do cơ sở ngành nghề nông thôn quy mô nhỏ, khó mở rộng đầu ra nên ít tham dự các hội chợ triển lãm và hoạt động xúc tiến thương mại khác.

- Đào tạo nghề cho lao động nông thôn: Trong 3 năm 2010-2012 đã đào tạo nghề ngắn hạn cho 19.577 lao động nông thôn theo chính sách của Quyết định 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 được 19.577 lao động, kinh phí 15.067 triệu đồng, trong đó lao động thuộc lĩnh vực ngành nghề nông thôn là 6.950 lao động (35,5%).

## **II. Tình hình phát triển ngành nghề nông thôn của tỉnh đến năm 2013**

Hiện nay, toàn tỉnh có khoảng trên 30.000 cơ sở sản xuất, kinh doanh lĩnh vực ngành nghề nông thôn, thu hút gần 70.000 lao động chiếm khoảng 8% lao động xã hội. Có khoảng 40 loại ngành nghề đang được sản xuất và kinh doanh. Tỉnh có 11 nghề truyền thống, 14 làng nghề, 25 cụm làng nghề truyền thống, nhưng hầu hết chưa đề nghị xét, công nhận. Một số nghề mới phát triển như nghề cơ khí nông nghiệp, cơ khí phụ trợ nông nghiệp, nghề đan lục bình, nghề kết cườm, các nghề dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp và đời sống người dân nông thôn.

Giá trị sản xuất của ngành nghề nông thôn hiện nay chiếm khoảng 5 - 6% giá trị sản xuất ngành công nghiệp và ước tính đóng góp khoảng 5% GDP toàn tỉnh. Thu nhập bình quân trên lao động (giá hiện hành) ước đạt trên 30 triệu đồng/năm.

Ngành nghề nông thôn đã góp phần quan trọng vào việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người dân, thúc đẩy phát triển thương mại dịch vụ ở khu vực nông thôn.

Nhìn chung ngành nghề nông thôn của tỉnh ít gây ô nhiễm môi trường. Một số nghề có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường như nghề làm bún, bánh, bột, đậu hũ, làm mắm, chế biến hạt điều, nấu rượu, chế biến nông sản, rau quả, giết mổ gia súc gia cầm,....nhưng khối lượng chất thải không lớn và từng bước được thu gom xử lý nên mức độ gây ô nhiễm chưa đáng kể. Những ngành nghề khác ít sử dụng hóa chất, hoặc chất thải có thể tái chế sử dụng được thì không gây ô nhiễm môi trường. Tuy nhiên, cần tiếp tục tuyên truyền, hướng dẫn, kiểm tra thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường và đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

## **III. Hạn chế và nguyên nhân**

### **1. Hạn chế**

- Ngành nghề nông thôn của tỉnh phát triển còn chậm, còn mang tính tự phát, phân bố không đều (tập trung chủ yếu ở các huyện phía nam), giá trị sản xuất còn chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu kinh tế chung.

- Đa số cơ sở có quy mô sản xuất nhỏ, thiếu vốn, chất lượng sản phẩm chưa cao và kém sức cạnh tranh, thu nhập của lao động ngành nghề nông thôn thấp.

- Một số nhóm ngành nghề phát triển còn khó khăn, chưa bền vững. Một số nghề truyền thống, làng nghề truyền thống đang có nguy cơ mai một do sự cạnh tranh của sản phẩm cùng loại được sản xuất công nghiệp như: nghề dệt chiếu, đóng xuồng, rèn, nghề nấu rượu và một số nghề khác.

- Việc xét đề nghị công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống còn chậm. Phát triển ngành nghề nông thôn và phát triển du lịch vẫn chưa gắn kết được với nhau, hỗ trợ nhau cùng phát triển.

## **2. Nguyên nhân**

- Do tình hình suy thoái kinh tế nên ngành nghề nông thôn cũng gặp nhiều khó khăn về sản xuất, kinh doanh và nhất là đầu ra của sản phẩm.

- Đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển ngành nghề nông thôn còn ít, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển của ngành nghề nông thôn. Vùng nguyên liệu bị thu hẹp do quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa, chuyển đổi cây trồng vật nuôi.

- Kết quả thực hiện các chính sách khuyến khích phát triển ngành nghề nông thôn còn nhiều hạn chế. Các chính sách ưu đãi về tài chính, tín dụng, đất đai, cơ sở hạ tầng tuy đã được ban hành, nhưng cơ sở ngành nghề khó tiếp cận.

- Công tác quản lý nhà nước về ngành nghề nông thôn còn nhiều bất cập, lúng túng. Còn có sự chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ giữa ngành nông nghiệp và ngành công thương, nên cơ quan được giao làm đầu mối để theo dõi, quản lý ở mỗi nơi một khác nhau: Có nơi giao đầu mối là Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có nơi giao Phòng Kinh tế và Hạ tầng.

- Nhiều huyện chưa quan tâm triển khai thực hiện quy hoạch phát triển ngành nghề nông thôn; chưa theo dõi, quản lý được ngành nghề nông thôn; nhiều nơi chưa lập kế hoạch, chưa bố trí ngân sách hỗ trợ ngành nghề nông thôn.

## **Phần thứ hai**

### **MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU PHÁT TRIỂN NGÀNH NGHỀ NÔNG THÔN GIAI ĐOẠN 2014 – 2015, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2020**

#### **I. MỤC TIÊU**

##### **1. Mục tiêu chung**

Nâng tỷ trọng giá trị sản xuất ngành nghề trong tổng giá trị sản xuất ở khu vực nông thôn, nâng cao chất lượng sản phẩm ngành nghề, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa, gắn với xây dựng nông thôn mới.

Khôi phục, bảo tồn và phát triển nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống, đồng thời phát triển thêm nghề mới phù hợp với từng địa phương

đề đa dạng hóa sản phẩm ngành nghề; giải quyết việc làm và tăng thu nhập cho người dân, gắn với phát triển du lịch và bảo vệ môi trường, góp phần tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

## **2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020**

- Tốc độ tăng giá trị sản lượng ngành nghề nông thôn trên 5%/năm.
- Giá trị sản xuất khu vực ngành nghề nông thôn trên 2.000 tỷ đồng năm 2015 và 3.000 tỷ đồng vào năm 2020.
- Tỷ trọng lao động ngành nghề nông thôn chiếm khoảng 10% tổng lao động xã hội năm 2015 và 12-15% vào năm 2020.
- Thu nhập bình quân/năm của 1 lao động ngành nghề nông thôn (theo giá hiện hành) 40 triệu đồng vào năm 2015 và 55 triệu đồng vào năm 2020 (chỉ tính riêng thu nhập do ngành nghề nông thôn tạo ra).
- Bảo tồn và phát triển một số làng nghề truyền thống, phát triển một số ngành nghề mới gắn với du lịch, phục vụ xuất khẩu.

## **II. NHIỆM VỤ VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

### **1. Phát triển các ngành sản xuất**

Căn cứ vào khả năng và nhu cầu phát triển, cần tập trung khuyến khích phát triển các loại ngành nghề sau:

#### **a) Lĩnh vực chế biến, bảo quản nông lâm thủy sản:**

\* *Xay xát lương thực*: Khuyến khích, hỗ trợ các cơ sở xay xát đầu tư trang thiết bị và công nghệ hiện đại sảy lúa, tách tạp chất, tách màu, đánh bóng, giảm tỷ lệ gạo gãy, tăng tỷ lệ gạo nguyên, nâng cao chất lượng gạo xuất khẩu.

\* *Nghề nấu rượu*: Tập trung tại các huyện: Bến Lức, Cần Đước, Cần Giuộc, Tân Trụ, Đức Hoà, Thủ Thừa.

Chủ yếu là tập trung phát triển nghề nấu rượu đế Gò Đen bằng các giải pháp như củng cố Hội sản xuất rượu đế Gò Đen; thành lập HTX rượu đế Gò Đen; hoàn thiện quy trình sản xuất rượu đảm bảo chất lượng đồng nhất, an toàn vệ sinh thực phẩm.

\* *Nghề làm mắm, nước mắm*: Tập trung ở các huyện: Cần Đước, Cần Giuộc, Châu Thành và Đức Hoà; sản phẩm gồm các loại nước mắm, mắm tôm chua, mắm công, mắm cá cơm.

\* *Nghề chế biến các loại nông sản thực phẩm (như hủ tiếu, bún, bánh canh, bánh ít, đậu hũ, cơm nguội, bánh in,...) và chế biến rau quả*: tập trung chủ yếu ở các huyện: Đức Hoà, Cần Đước, Cần Giuộc, Tân Trụ, Bến Lức, thành phố Tân An.

Khuyến khích đầu tư nâng cấp mặt bằng sản xuất; tuyên truyền, hướng dẫn, kiểm tra thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm. Hỗ trợ xây dựng nhãn hiệu hàng hóa. Khuyến khích hỗ trợ đầu tư thiết bị, công nghệ bảo quản, sơ chế rau quả cho các HTX, THT nông nghiệp.

\* *Giết mổ gia súc, gia cầm*: Sắp xếp các cơ sở giết mổ tập trung theo quy hoạch, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và bảo vệ môi trường. Phát triển các cơ sở quy mô lớn ở các huyện: Thủ Thừa, Cần Giuộc, Bến Lức, Đức Hòa, thành phố Tân An.

**b) Ngành nghề sản xuất đồ gỗ, dệt chiếu, đan mây tre lá, dệt may, cơ khí nhỏ:**

\* *Nghề dệt chiếu*: Tập trung ở các huyện: Cần Đước, Tân Trụ, Bến Lức, Châu Thành.

Triển khai quy hoạch vùng trồng cây lác; thực hiện chính sách hỗ trợ đầu tư máy móc, thiết bị để nâng cao năng suất, chất lượng và giảm giá thành sản xuất chiếu; khôi phục các làng nghề dệt chiếu truyền thống.

\* *Dệt may*: Mở các lớp đào tạo nghề dệt may. Hỗ trợ đầu tư trang thiết bị cho các THT dệt may gia công cho các công ty dệt may lớn.

\* *Nghề mộc gia dụng*: Do nguồn nguyên liệu về gỗ ngày càng khan hiếm, các cơ sở chế biến gỗ thu hẹp dần. Thời gian tới, vừa tiếp tục sản xuất các sản phẩm đồ gỗ truyền thống đặc thù của địa phương, vừa chuyển hướng phát triển các sản phẩm thay thế gỗ hoặc đồ mộc giả gỗ.

\* *Nghề cơ khí nhỏ*: Phát triển cơ khí lắp ráp, sửa chữa máy và tiến tới chế tạo các loại máy dùng trong nông nghiệp như: máy gieo trồng, chăm sóc cây trồng, máy thu hoạch, máy bảo quản chế biến nông sản, máy phục vụ sản xuất chăn nuôi, thủy sản.

\* *Nghề đan mây tre lá*: Tập trung chủ yếu ở huyện Đức Hoà. Xây dựng Dự án bảo tồn làng nghề truyền thống đan mây tre lá, nghề chằm nón lá.

**c) Ngành sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ:**

Khuyến khích, hỗ trợ sản xuất các sản phẩm: đan lục bình; chạm, khắc gỗ; thêu ren.

**d) Ngành gây trồng, kinh doanh sinh vật cảnh:**

Đây là nghề có tiềm năng lớn. Phát triển các chi hội sinh vật cảnh, câu lạc bộ nghệ nhân ở các huyện, xã, nhất là thành phố Tân An, nhằm tăng cường giao lưu, trao đổi kinh nghiệm phát triển gây trồng, kinh doanh sinh vật cảnh; mở các lớp đào tạo nghề về gây trồng, kinh doanh sinh vật cảnh; khuyến khích phát triển các loại hình cây kiểng truyền thống, chọn tạo hoa kiểng mới và cá kiểng.

**đ) Ngành xây dựng, vận tải liên xã và các dịch vụ phục vụ sản xuất và đời sống dân cư nông thôn:**

Tập trung phát triển các Tổ hợp tác ngành nghề xây dựng đường giao thông, nhà ở, cấp thoát nước sinh hoạt và vận chuyển hàng hoá ở nông thôn. Phát triển mạnh dịch vụ cung ứng vật tư nông nghiệp và dịch vụ các khâu làm đất, gieo cấy, bón phân, phun thuốc, thu hoạch, sấy lúa...

**e) Ngành nghề đào tạo, truyền nghề, tư vấn sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực ngành nghề nông thôn:**

Tổ chức các lớp đào tạo nghề, truyền nghề phi nông nghiệp cho lao động nông thôn. Hàng năm tổ chức các hội thi tay nghề giỏi; mở các buổi trình diễn kỹ thuật, giúp người lao động trao đổi, học hỏi kinh nghiệm nâng cao tay nghề. Hỗ trợ động các nguồn tài chính của Trung ương, địa phương và của người học hỗ trợ đào tạo nghề cho khoảng 1.500 - 5.000 lao động cho các làng nghề.

**2. Bảo tồn và phát triển làng nghề**

**a) Bảo tồn và phát triển các làng nghề:**

- Các nghề cần bảo tồn và phát triển: Nghề đan mây tre lá ở huyện Đức Hòa; nấu rượu (ở khu vực Gò Đen); làm trống, làm bánh tráng ở huyện Tân Trụ; nghề mộc gia dụng, đóng xuống ghe ở huyện Cần Đước, Châu Thành, Tân Trụ.

- Các nghề truyền thống cần bảo tồn để không bị mai một, thất truyền: Nghề rèn (Thủ Thừa, Cần Giuộc); làm mắm, làm bánh in (Cần Đước); chằm nón, đan lát (Đức Hòa); nghề dệt chiếu truyền thống ở Cần Đước, Châu Thành, Tân Trụ; nghề làm bánh tráng ở thành phố Tân An và Tân Trụ.

Giải pháp: Xây dựng chính sách hỗ trợ đối với các nghề truyền thống, làng nghề truyền thống. Lập các dự án bảo tồn và phát triển nghề truyền thống, làng nghề truyền thống; hỗ trợ xây dựng nhãn hiệu hàng hóa; vận động xây dựng các mô hình kinh tế hợp tác (HTX nghề, THT nghề...); hỗ trợ ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và hỗ trợ cơ giới hóa một số công đoạn sản xuất.

**b) Phát triển các nghề mới và làng nghề mới:**

- Phát triển nghề gây trồng và kinh doanh sinh vật cảnh ở thành phố Tân An, khu vực thị trấn các huyện: Đức Hòa, Châu Thành, Tân Trụ, Cần Đước, Cần Giuộc, Bến Lức, Thủ Thừa.

- Phát triển nghề bảo quản và chế biến rau quả ở các huyện: Châu Thành, thành phố Tân An, Tân Trụ, Bến Lức, Cần Đước, Cần Giuộc.

- Phát triển nghề giết mổ gia súc, gia cầm theo quy hoạch.

- Phát triển mạnh các loại hình dịch vụ nông thôn: dịch vụ sản xuất nông nghiệp, buôn bán, dịch vụ phục vụ nhu cầu sinh hoạt nông thôn; dịch vụ ăn uống, giải khát, văn hóa, nghệ thuật....

- Phát triển làng nghề gắn với các trạm dừng chân, các điểm du lịch để phục vụ nhu cầu tham quan, mua sắm quà lưu niệm của du khách.

**3. Các dự án ưu tiên giai đoạn 2014-2015 và giai đoạn 2016-2020**

- **Dự án giai đoạn 2014-2015:** Kinh phí dự kiến 24.500 triệu đồng, trong đó:

Vốn ngân sách dự kiến 12.250 triệu đồng, gồm các nguồn: Vốn hỗ trợ phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề Chương trình MTQG xây dựng NTM; vốn Khuyến công; vốn sự nghiệp kinh tế; nguồn vốn chương trình khoa học - công nghệ; vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia khác.

Vốn khác: 12.250 triệu đồng (gồm vốn của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất ngành nghề, THT, HTX ngành nghề, vốn tín dụng...).

Ngoài các dự án ưu tiên nêu trên, các huyện, thành phố, thị xã lập và triển khai thực hiện các dự án ngành nghề nông thôn phù hợp với yêu cầu phát triển và khả năng ngân sách địa phương (nếu thấy cần thiết).

**- Giai đoạn 2016-2020:** Kinh phí dự kiến 34.000 triệu đồng, trong đó:

Vốn ngân sách dự kiến 14.600 triệu đồng, vốn đóng góp của doanh nghiệp 19.400 triệu đồng. Danh mục dự án giai đoạn 2016-2020 chỉ mang tính định hướng, cuối năm 2015 sẽ lập danh mục dự án cụ thể cho giai đoạn này.

### **III. PHÂN CÔNG TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **1. UBND các huyện, thành phố Tân An, thị xã Kiến Tường**

- Tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch; lập kế hoạch phát triển ngành nghề hàng năm, bố trí kinh phí từ các nguồn vốn được giao hàng năm để hỗ trợ thực hiện các dự án phát triển ngành nghề.

- Triển khai xây dựng quy hoạch vùng cây nguyên liệu phục vụ sản xuất ngành nghề nông thôn trên địa bàn.

- Chỉ đạo lập hồ sơ đề nghị công nhận nghề truyền thống, làng nghề và làng nghề truyền thống trên địa bàn, phấn đấu hoàn thành trong năm 2014.

- Chỉ đạo xây dựng, triển khai thực hiện các dự án ưu tiên nêu tại phụ lục của kế hoạch này; lập và triển khai thực hiện các dự án ngành nghề nông thôn khác theo yêu cầu thực tế trên địa bàn.

- Triển khai cho các cơ sở ngành nghề, làng nghề nắm các văn bản pháp luật và các chính sách khuyến khích hỗ trợ đối với ngành nghề nông thôn. Hướng dẫn các cơ sở sản xuất ngành nghề xây dựng dự án, đề án để được hưởng chính sách hỗ trợ của Nhà nước.

Chỉ đạo theo dõi, báo cáo định kỳ kết quả phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn huyện gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Cuối năm 2015, đánh giá kết quả phát triển ngành nghề nông thôn giai đoạn 2014-2015 và đề xuất nhiệm vụ, giải pháp, danh mục dự án phát triển ngành nghề nông thôn giai đoạn 2016-2020 phù hợp với yêu cầu phát triển ngành nghề nông thôn và khả năng ngân sách của huyện.

#### **2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

- Chủ trì theo dõi việc tổ chức thực hiện quy hoạch, thực hiện kế hoạch phát triển ngành nghề nông thôn hàng năm của các địa phương.

- Phối hợp các huyện hướng dẫn xây dựng HTX, THT ngành nghề nông thôn; hướng dẫn công tác nghiệp vụ cho cán bộ theo dõi, quản lý ngành nghề nông thôn cấp huyện, xã.

- Tổng hợp báo cáo định kỳ kết quả phát triển ngành nghề nông thôn gửi UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Cuối năm 2015, tham mưu đánh giá kết quả phát triển ngành nghề nông thôn giai đoạn 2014-2015 và tổng hợp đề xuất nhiệm vụ, giải pháp, danh mục dự án phát triển ngành nghề nông thôn giai đoạn 2016-2020.

### **3. Sở Công Thương**

- Khuyến khích, hỗ trợ phát triển ngành nghề công nghiệp nông thôn, các ngành công nghiệp xanh và sạch; hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật, ứng dụng công nghệ mới, sản xuất sạch hơn, nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm công nghiệp nông thôn, giảm thiểu phát thải gây ô nhiễm môi trường.

- Khuyến khích, hỗ trợ phát triển thương mại-dịch vụ nông thôn hình thành chuỗi cung ứng hàng hóa thông suốt, rộng khắp phục vụ nhu cầu đa dạng sản xuất, sinh hoạt của nhân dân; hỗ trợ hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá, liên kết tiêu thụ sản phẩm.

- Tăng cường hoạt động kiểm tra, kiểm soát thị trường; xử lý nghiêm các hành vi gian lận thương mại gây ảnh hưởng đến sản xuất, sức khỏe người tiêu dùng.

- Tham mưu, đôn đốc hoàn thành xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề và làng nghề truyền thống trong năm 2014. Tham mưu xét công nhận nghề nhân, thợ lành nghề, người có công đưa nghề về Long An và bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu.

- Chủ trì tham mưu xây dựng chính sách hỗ trợ bảo tồn nghề truyền thống, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh.

### **4. Sở Khoa học và Công nghệ**

Chủ trì hướng dẫn đăng ký sở hữu trí tuệ đối với những sáng chế trong lĩnh vực ngành nghề nông thôn; hướng dẫn xây dựng và đăng ký nhãn hiệu hàng hóa, ... cho sản phẩm ngành nghề nông thôn đặc trưng, tiêu biểu của tỉnh theo phương án xác lập quyền sở hữu nhãn hiệu tập thể của tỉnh.

### **5. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch**

Chủ trì phối hợp với các huyện và các sở ngành liên quan khảo sát, đề xuất xây dựng một số điểm trung bày sản phẩm ngành nghề; điểm dừng chân cho khách du lịch, kết hợp đầu tư xây dựng trung tâm bảo tồn phát triển nghề truyền thống gắn với du lịch. Xây dựng các chương trình du lịch gắn với các điểm đến tham quan làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh.

### **6. Sở Tài nguyên và Môi trường**

Hướng dẫn các huyện bố trí đất quy hoạch vùng cây nguyên liệu phục vụ phát triển ngành nghề nông thôn; đất xây dựng cơ sở ngành nghề nông thôn; đất xây dựng điểm dừng chân cho khách du lịch và các điểm trung bày sản phẩm ngành nghề.

Hướng dẫn, hỗ trợ việc xử lý môi trường của cơ sở ngành nghề nông thôn.



**7. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**

Chủ trì phối hợp với các sở, ngành, UBND các địa phương xây dựng kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo chính sách hiện hành, trong đó chú trọng đào tạo nghề cho lao động ở các làng nghề, HTX, THT. Hướng dẫn đơn đốc cấp huyện tổ chức dạy nghề cho lao động nông thôn ở địa phương.

**8. Sở Kế hoạch và Đầu tư:** Bố trí kế hoạch vốn ngân sách từ Chương trình mục tiêu quốc gia về nông thôn mới hàng năm để hỗ trợ phát triển sản xuất ngành nghề nông thôn.

**9. Sở Tài chính**

Hướng dẫn thực hiện nội dung ngân sách nhà nước hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn và chính sách ưu đãi về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuế sử dụng đất. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư bố trí vốn hỗ trợ phát triển sản xuất và ngành nghề nông thôn.

**10. Liên minh Hợp tác xã tỉnh:** Phối hợp, hỗ trợ UBND các địa phương xây dựng và thực hiện mô hình kinh tế hợp tác trong lĩnh vực ngành nghề nông thôn.

**11. Các tổ chức đoàn thể**

Đề nghị Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Hội Cựu Chiến binh, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh tích cực vận động hội viên tham gia học nghề, phát triển sản xuất kinh doanh ngành nghề có hiệu quả, bền vững, gắn với bảo vệ môi trường; tham gia các dự án bảo tồn và phát triển nghề truyền thống, làng nghề truyền thống.

**12. Các làng nghề, cơ sở sản xuất ngành nghề nông thôn**

Tích cực tìm hiểu các văn bản pháp quy, các chính sách khuyến khích hỗ trợ ngành nghề nông thôn về đào tạo, chuyên giao công nghệ, xử lý môi trường, đăng ký nhãn hiệu hàng hóa, tham gia hội chợ triển lãm, chính sách thuế, vay vốn. Lập các dự án để được hưởng chính sách khuyến khích hỗ trợ của Nhà nước.

Trên đây là kế hoạch phát triển ngành nghề nông thôn của tỉnh giai đoạn 2014 – 2015 và định hướng giai đoạn 2016-2020. Thủ trưởng các sở, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Tân An và thị xã Kiến Tường chỉ đạo các đơn vị chức năng triển khai tổ chức thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
  - CT, PCT UBND tỉnh<sub>SX</sub>;
  - Các sở, ngành, đoàn thể tỉnh;
  - UBND các huyện, thị xã, thành phố;
  - Lưu: VT, SNN, An.
- KH-PT NGANH NGHE NT-2014-2020

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thanh Nguyên**



Phụ lục I

**DANH MỤC DỰ ÁN NGÀNH NGHỀ NÔNG THÔN ƯU TIÊN GIAI ĐOẠN 2014 – 2015**

(Kèm theo Kế hoạch số 446 /KH-UBND ngày 14 /02/2014 của UBND tỉnh)

Số TT	Tên dự án	Kinh phí* (triệu đồng)		Chủ đầu tư	Ghi chú
		Tổng số	Ngân sách		
1	Dự án bảo tồn và phát triển nghề nấu rượu Đé Gò Đen	2.000	1.000	UBND huyện Bến Lức	Xin UBND tỉnh cho chủ trương trước khi lập dự án
2	Dự án bảo tồn và phát triển nghề đan mây, tre, chằm nón lá ở huyện Đức Hòa	4.500	2.250	UBND huyện Đức Hòa	Xin UBND tỉnh cho chủ trương trước khi lập dự án
3	Dự án bảo tồn và phát triển nghề làm trống Bình An	5.000	2.500	UBND huyện Tân Trụ	Xin UBND tỉnh cho chủ trương trước khi lập dự án
4	Dự án bảo tồn nghề dệt chiếu truyền thống xã Long Cang, huyện Cần Đước	2.000	1.000	UBND huyện Cần Đước	Xin UBND tỉnh cho chủ trương trước khi lập dự án
5	Dự án bảo tồn nghề rèn truyền thống xã Nhị Thành	1.000	500	UBND huyện Thủ Thừa	Xin UBND tỉnh cho chủ trương trước khi lập dự án
7	Dự án hỗ trợ các nghệ nhân truyền nghề	1.000	500	Sở Công Thương	
8	Dự án xây dựng mô hình kinh tế hợp tác ngành nghề nông thôn	3.000	1.500	UBND các huyện, TP, thị xã	
9	Dự án xây dựng mô hình sản xuất và kinh doanh sinh vật cảnh	4.000	2.000	UBND các huyện, TP, thị xã	
10	Dự án xây dựng mô hình sơ chế - bảo quản rau và trái cây	2.000	1.000	UBND các huyện, TP, thị xã	
<b>Tổng cộng</b>		<b>24.500</b>	<b>12.250</b>		

\* Mức kinh phí các dự án chỉ là dự kiến. Chủ đầu tư lập dự toán kinh phí theo tình hình thực tế và định mức hiện hành.

Căn cứ danh mục dự án ưu tiên nêu trên, các huyện, TP, TX lập các dự án cụ thể phù hợp với khả năng ngân sách và yêu cầu phát triển trên địa bàn; hoặc lập thêm các dự án khác nếu thấy cần thiết.

**Phụ lục II**  
**ĐỊNH HƯỚNG DỰ ÁN ƯU TIÊN NGÀNH NGHỀ NÔNG THÔN GIAI ĐOẠN 2016-2020**  
 (Kèm theo Kế hoạch số 116 /KH-UBND ngày 11 /02/2014 của UBND tỉnh)

Số TT	Tên dự án	Kinh phí* (triệu đồng)		Chủ đầu tư	Ghi chú
		Tổng số	Ngân sách		
1	Dự án xây dựng điểm dừng chân tại huyện Bến Lức cho khách du lịch, kết hợp bảo tồn phát triển nghề truyền thống gắn với du lịch	12.000	3.600	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì lập dự án	Xin UBND tỉnh cho chủ trương trước khi lập DA. Sau khi DA được duyệt kêu gọi doanh nghiệp, cơ sở ngành nghề đầu tư DA
2	Dự án xây dựng các điểm trưng bày, giới thiệu sản phẩm nghề thủ công truyền thống gắn với du lịch	8.000	4.000	UBND TP. Tân An và các huyện Cần Đước; Mộc Hóa; Đức Hòa	Xin UBND tỉnh cho chủ trương trước khi lập dự án
3	Dự án xây dựng mô hình kinh tế hợp tác ngành nghề nông thôn	3.000	1.500	UBND các huyện, TP, thị xã	Xin UBND tỉnh cho chủ trương trước khi lập dự án
4	Dự án bảo tồn nghề dệt chiếu truyền thống	2.000	1.000	UBND huyện Tân Trụ	Xin UBND tỉnh cho chủ trương trước khi lập dự án
5	Dự án bảo tồn và phát triển ngành hàng thủ công mỹ nghệ	4.000	2.000	UBND TP. Tân An và các huyện Cần Giuộc; Đức Hòa	Xin UBND tỉnh cho chủ trương trước khi lập dự án
6	Dự án xây dựng mô hình sản xuất và kinh doanh sinh vật cảnh	5.000	2.500	UBND các huyện, TP, thị xã	Xin UBND tỉnh cho chủ trương trước khi lập dự án
	<b>Tổng cộng:</b>	<b>34.000</b>	<b>14.600</b>		

\* Tên gọi và mức kinh phí các dự án chỉ là dự kiến. Khi lập dự án phải căn cứ vào tình hình thực tế và định mức, chế độ chi hiện hành. Các huyện, TP, TX lập các dự án cụ thể phù hợp với yêu cầu và điều kiện thực tế; hoặc đề xuất lập các dự án khác nếu thấy cần thiết.